|  |  |  |
| --- | --- | --- |
| **ỦY BAN NHÂN DÂN**  **TỈNH ĐỒNG NAI** |  | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |

**QUY ĐỊNH**

**Về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập, thay đổi trụ sở**

**Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai** (*Kèm theo Quyết định số 39/2023/QĐ-UBND*

*ngày 03 tháng 10 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Đồng Nai)*

**Chương I**

**QUY ĐỊNH CHUNG**

**Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng**

1. Phạm vi điều chỉnh

Quy định này quy định về tiêu chí xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập, thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai.

2. Đối tượng áp dụng

Công chứng viên có hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, tổ chức hành nghề công chứng có đề nghị thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng; cơ quan quản lý nhà nước về công chứng và tổ chức, cá nhân có liên quan trong việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập, thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng.

**Điều 2. Nguyên tắc xét duyệt hồ sơ**

1. Việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập, thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh Đồng Nai phải đảm bảo công khai, minh bạch, khách quan, đúng quy định pháp luật.

2. Hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng phải được gửi đến Sở Tư pháp trong thời hạn thông báo tiếp nhận hồ sơ; phải đảm bảo các điều kiện, tiêu chuẩn thành lập Văn phòng công chứng theo quy định của pháp luật hiện hành và Quy định này.

3. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng chịu trách nhiệm về tính xác thực, hợp pháp của hồ sơ và những nội dung trình bày trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng.

4. Việc xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng căn cứ trên các nhóm tiêu chí được quy định tại Điều 3 của Quy định này. Tổng số điểm đánh giá cho các nhóm tiêu chí là 100 điểm trên cơ sở thang điểm của từng tiêu chí đánh giá hồ sơ.

**Chương II**

**TIÊU CHÍ XÉT DUYỆT HỒ SƠ ĐỀ NGHỊ**

**THÀNH LẬP VĂN PHÒNG CÔNG CHỨNG**

**Điều 3. Các nhóm tiêu chí**

1. Nhóm tiêu chí về tổ chức nhân sự của Văn phòng công chứng: 44 điểm.

2. Nhóm tiêu chí về trụ sở làm việc của Văn phòng công chứng: 36 điểm.

3. Nhóm tiêu chí về sự cần thiết và tính khả thi của Đề án: 20 điểm.

Điểm số các tiêu chí xét duyệt được quy định tại Phụ lục kèm theo Quy định này.

**Điều 4. Những trường hợp không tiếp nhận; không xét duyệt hồ sơ; không tính điểm đề nghị thành lập Văn phòng công chứng**

1. Nhữngtrường hợp không tiếp nhận hồ sơ

a) Hồ sơ không đáp ứng một trong các yêu cầu về loại hình hoạt động của Văn phòng công chứng, điều kiện đối với Trưởng Văn phòng công chứng, tên gọi của Văn phòng công chứng, trụ sở của Văn phòng công chứng theo quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều 22 Luật Công chứng.

b) Hồ sơ có giấy tờ bị tẩy xóa, sửa chữa, thêm, bớt nội dung.

2. Những trường hợp không xét duyệt hồ sơ

a) Công chứng viên tham gia hợp danh không có quyền thành lập và quản lý doanh nghiệp theo quy định của pháp luật.

b) Công chứng viên bị xử lý kỷ luật mà chưa hết thời hạn xóa kỷ luật.

c) Công chứng viên bị xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực công chứng mà chưa hết thời hạn được coi là chưa bị xử phạt vi phạm hành chính theo quy định pháp luật về xử lý vi phạm hành chính.

d) Công chứng viên thuộc trường hợp bị miễn nhiệm công chứng viên theo quy định tại khoản 2 Điều 15 Luật Công chứng.

đ) Trong thời hạn xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng, công chứng viên, nhân viên nghiệp vụ hoặc nhân sự khác đồng thời đứng tên từ hai hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng trở lên.

e) Đề án thành lập Văn phòng công chứng không có giấy tờ chứng minh về trụ sở của Văn phòng công chứng hoặc trụ sở Văn phòng công chứng không đảm bảo tính pháp lý theo quy định (chưa được cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền trên đất hoặc đất sử dụng không đúng mục đích đã được Nhà nước giao, cho thuê, công nhận quyền sử dụng đất).

3. Những trường hợp không được tính điểm

a) Nhân sự đã tham gia thành lập Văn phòng công chứng được Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập trong thời gian 01 (một) năm, nay tiếp tục tham gia hồ sơ thành lập Văn phòng công chứng với tư cách công chứng viên hợp danh. Trừ trường hợp công chứng viên làm việc theo chế độ hợp đồng và thư ký nghiệp vụ được bổ nhiệm công chứng viên.

b) Công chứng viên thôi làm Trưởng Văn phòng công chứng trong thời gian dưới 03 (ba) năm tính đến ngày nộp hồ sơ.

4. Trường hợp hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng sau khi xét duyệt và đã được Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định cho phép thành lập nhưng phát hiện thuộc trường hợp quy định tại khoản 1, khoản 2 Điều này thì Sở Tư pháp tham mưu Ủy ban nhân dân tỉnh bãi bỏ Quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng.

**Điều 5. Thông báo và tiếp nhận hồ sơ**

Sở Tư pháp có trách nhiệm thực hiện việc thông báo, hướng dẫn và tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng. Thông báo tiếp nhận hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng phải được đăng tải trên một phương tiện thông tin đại chúng của địa phương (ít nhất trong 03 số liên tiếp) và trên Trang thông tin điện tử của Sở Tư pháp. Thời hạn tiếp nhận là 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày đăng thông báo trên số báo đầu tiên.

**Điều 6. Thành lập Tổ xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng**

1. Giám đốc Sở Tư pháp có trách nhiệm thành lập Tổ xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng (viết tắt là Tổ xét duyệt).

Tổ xét duyệt có từ 5 đến 9 thành viên, trong đó đại diện lãnh đạo Sở Tư pháp làm Tổ trưởng, các thành viên Tổ xét duyệt gồm: Đại diện Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Sở Nội vụ, Hội Công chứng viên tỉnh và đại diện các phòng chuyên môn và tương đương thuộc Sở Tư pháp.

2. Tổ xét duyệt có trách nhiệm kiểm tra, chấm điểm hồ sơ và tham mưu cho Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo quy định.

**Điều 7. Cách thức xét duyệt và chấm điểm hồ sơ**

1. Việc xét duyệt và chấm điểm hồ sơ phải được lập thành biên bản.

2. Tổ xét duyệt có trách nhiệm kiểm tra hồ sơ, căn cứ quy định của Luật Công chứng và các quy định pháp luật có liên quan, tiêu chí, thang điểm được quy định tại Quy định này và nội dung Đề án để thực hiện việc xét duyệt và chấm điểm.

**Điều 8. Xét duyệt hồ sơ và quyết định cho phép thành lập**

1. Hồ sơ đạt kết quả xét duyệt phải đáp ứng các điều kiện sau:

a) Đối với địa bàn thành phố Biên Hòa, thành phố Long Khánh và các huyện: Long Thành, Nhơn Trạch, Trảng Bom: Đạt tối thiểu từ 85 điểm trở lên.

b) Đối với địa bàn các huyện còn lại: Đạt tối thiểu từ 75 điểm trở lên.

c) Các nhóm tiêu chí được quy định tại Điều 3 Quy định này phải đạt tối thiểu 50% số điểm của nhóm tiêu chí.

2. Giám đốc Sở Tư pháp trình Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định cho phép thành lập Văn phòng công chứng theo quy định. Trường hợp Đề án không đạt điểm tối thiểu theo quy định tại khoản 1 Điều này thì Sở Tư pháp có văn bản từ chối hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng công chứng.

**Điều 9. Thay đổi trụ sở hoạt động của Văn phòng công chứng**

1. Văn phòng công chứng đang hoạt động trên địa bàn tỉnh có nhu cầu thay đổi trụ sở phải nêu lý do thay đổi trụ sở và đánh giá sự cần thiết phải có Văn phòng công chứng trên địa bàn mới mà Văn phòng công chứng dự kiến chuyển trụ sở đến (có số liệu cụ thể để chứng minh) trong văn bản đề nghị thay đổi nội dung đăng ký hoạt động. Tại thời điểm nộp hồ sơ đề nghị thay đổi trụ sở, Văn phòng công chứng phải có từ 2 công chứng viên hợp danh trở lên, đồng thời phải đảm bảo các tiêu chí về trụ sở được quy định tại Điều 3 Quy định này, cụ thể như sau:

a) Trường hợp thay đổi trụ sở từ địa bàn cấp huyện này sang địa bàn cấp huyện khác phải đạt 100% số điểm nhóm tiêu chí về trụ sở.

b) Trường hợp thay đổi trụ sở từ xã, phường, thị trấn này sang xã, phường, thị trấn khác trong cùng địa bàn cấp huyện phải đạt tối thiểu 80% số điểm nhóm tiêu chí về trụ sở.

c) Trường hợp thay đổi trụ sở trong cùng địa bàn xã, phường, thị trấn thì không áp dụng tiêu chí về vị trí, khoảng cách đặt trụ sở.

2. Sở Tư pháp giúp Ủy ban nhân dân tỉnh thực hiện việc tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ đề nghị thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng trên địa bàn tỉnh và giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến việc tiếp nhận và xét duyệt hồ sơ đề nghị thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng theo quy định.

**Chương III**

**TỔ CHỨC THỰC HIỆN**

**Điều 10. Khiếu nại, tố cáo**

1. Công chứng viên đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có quyền khiếu nại về việc từ chối cho phép thành lập Văn phòng công chứng khi có căn cứ cho rằng việc từ chối là trái với quy định của Luật Công chứng, các văn bản hướng dẫn thi hành và Quy định này.

2. Công chứng viên đề nghị thành lập Văn phòng công chứng có quyền tốcáo đối với cơ quan, tổ chức, cá nhân có thẩm quyền về hành vi vi phạm phápluật trong việc tiếp nhận, xét duyệt hồ sơ đề nghị thành lập Văn phòng côngchứng.

3. Việc giải quyết khiếu nại, tố cáo được thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

**Điều 11. Trách nhiệm thi hành**

1. Công chứng viên nộp hồ sơ đề nghị thành lập, thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng theo quy định tại khoản 1 Điều 23, Điều 24 Luật Công chứng, chịu trách nhiệm về tính xác thực của hồ sơ và các giấy tờ chứng minh về những nội dung trình bày trong Đề án thành lập Văn phòng công chứng, văn bản đề nghị thay đổi trụ sở Văn phòng công chứng.

2. Giao Sở Tư pháp tổ chức triển khai thực hiện Quy định này, trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét sửa đổi, bổ sung, thay thế hoặc bãi bỏ theo quy định pháp luật./.